

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 16/12/2024  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
khi ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thị Nga.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lý A Thu và ông Trịnh Quyết Thắng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Thúy Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa:** Bà Cẩm Thị Phượng, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 13/2024/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 10 năm 2024; về việc: Khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2024; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Vũ Văn N; sinh năm: 1985; địa chỉ: Tổ N, phường V, Quận K, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt có lý do.

Bị đơn: Chị Lò Thị D; sinh năm: 1994; địa chỉ: Bản L, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 10 năm 2024 và Biên bản ghi lời khai trong quá trình tố tụng của nguyên đơn anh Vũ Văn N trình bày:

Về hôn nhân: Anh Vũ Văn N và chị Lò Thị D đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên vào ngày 13 tháng 10 năm 2017; kết hôn trên cơ sở tự nguyện. C sống với nhau hạnh phúc đến năm 2018, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống; chị D bỏ về trên bản L, xã M để ở cho đến nay. Trong thời gian không chung sống thời gian đầu có liên hệ, nhưng khoảng 02 năm về đây là không còn liên hệ gì với nhau. Thời gian sống xa cách không còn quan tâm đến nhau nên tình cảm cũng phai nhạt dần. Đến nay anh N không còn tình cảm với chị D nên không muốn kéo dài cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc với chị D nữa. Vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho N được ly hôn với chị Lò Thị D.

Về con chung: Anh Vũ Văn N và chị Lò Thị D có 01 người con chung là Vũ Bảo A, sinh ngày 29/9/2017. Trong khoảng thời gian sống ly thân, con chung do chị D là người trực tiếp nuôi dưỡng; vì vậy để con có cuộc sống ổn định anh N đồng ý giao con cho chị D là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ phải trả, nợ thu về: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng chị Lò Thị D. Tại Đơn xin vắng mặt của chị Lò Thị D có nội dung: Chị Lò Thị D và Vũ Văn N đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên vào ngày 13/10/2017. Cuộc sống hôn nhân chỉ hạnh phúc được mấy tháng đầu thì này sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống. Do không chịu đựng được cuộc sống không có hạnh phúc nên chị D đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở bản L, xã M ở. Trong thời gian không chung sống, giữa vợ chồng không còn liên lạc, đến nay anh N xin ly hôn chị D cũng đồng ý ly hôn. Chị D và anh N có con chung là Vũ Bảo A, sinh ngày 29/9/2017; từ khi sinh con chị D là người trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc giáo dục con chung. Đến nay chị D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản, nợ phải trả, nợ thu về không có. Chị Lò Thị D xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương: Anh Vũ Văn N và chị Lò Thị D có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu chung sống ở nhà chồng được một thời gian thì chị D bỏ về ở nhà bố mẹ đẻ ở bản L, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên. Trong khoảng thời gian chị D về sống cùng bố mẹ đẻ thì anh N cũng không lên đây sinh sống cùng chị D. Anh N và chị D có 01 con chung là Vũ Bảo A, sinh ngày 29/9/2017; hiện tại đang được chị D trực tiếp nuôi dưỡng; để cho con chung của anh N và chị D có cuộc sống ổn định đề nghị xem xét giao con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng.

Nguyện vọng của Vũ Bảo A: Con chung Vũ Bảo A có nguyện vọng được ở cùng với mẹ, vì ở với mẹ cháu A được chăm sóc và đi học đầy đủ.

*Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:*

- Về tố tụng: Đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ lời trình bày của đương sự và kết quả xác minh của Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Vũ Văn N, cho anh Vũ Văn N ly hôn với chị Lò Thị D; giao con chung Vũ Bảo A, sinh ngày 29/9/2017 cho chị Lò Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên và đủ khả năng lao động; Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc anh Vũ Văn N phải nộp án phí ly hôn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện: Xét đơn khởi kiện của anh Vũ Văn N và chị Lò Thị D thì được xác định là vụ án ly hôn theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Thẩm quyền giải quyết: Thời điểm anh N nộp đơn khởi kiện, chị D có nơi ĐKTT tại bản Lúm, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên; nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự đúng theo quy định Điều 174; Điều 175 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Vũ Văn N và chị Lò Thị D đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Việc đưa ra xét xử vắng mặt các đương sự, vẫn đảm bảo quyền lợi của đương sự và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Văn N và chị Lò Thị D đăng ký kết hôn ngày 13/10/2017 đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên; kết hôn trên cơ sở tự nguyện; thực hiện theo đúng trình tự đăng ký kết hôn; nên có thể xác định hôn nhân của anh N và chị D là hôn nhân hợp pháp theo đúng quy định Luật Hôn nhân & gia đình.

Xét về yêu cầu giải quyết ly hôn thì thấy: Giữa anh N và chị D đã có mâu thuẫn do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống; hai bên đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay; anh N xin ly hôn chị D cũng có ý kiến đồng ý ly hôn; do vậy HĐXX thấy rằng, hôn nhân giữa anh N và chị D đã có rạn nứt, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được; nên yêu cầu xin ly hôn của anh N là có căn cứ. Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình; HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh N, cho anh Vũ Văn N ly hôn với chị Lò Thị D.

[3]

Về con chung: Anh Vũ Văn N và chị Lò Thị D xác nhận có 01 con chung tên là Vũ Bảo A, sinh ngày 29/9/2017. Đối với ý kiến về việc giao nuôi con chung của anh N và chị D là hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng được ở cùng với mẹ của cháu Bảo A. Căn cứ vào trình bày của các đương sự, kết quả xác minh của chính quyền địa phương và để cuộc sống của cháu Bảo A không bị xáo trộn thì thấy rằng, việc giao con của anh Vũ Văn N là có cơ sở; HĐXX căn cứ vào các Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận về yêu cầu của anh Vũ Văn N giao con chung cho chị D là người trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục. Việc không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con chung, xét thấy không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của con chung, nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ phải trả, nợ thu về: Không có.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Hội đồng xét xử xét thấy anh Vũ Văn N thuộc trường hợp phải nộp án phí ly hôn.

[6] Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo đưa ra đề nghị về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án, vì vậy cần chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Áp dụng:**

- Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Văn N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Văn N được ly hôn với chị Lò Thị D.

2. Về con chung: Giao cho chị Lò Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung là Vũ Bảo A, sinh ngày 29/9/2017 cho đến khi đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. Không yêu cầu Tòa án giải quyết cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn chị Lò Thị D có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con, cùng các thành viên trong gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Anh Vũ Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh Vũ Văn N thực hiện quyền này.

Anh Vũ Văn N và chị Lò Thị D có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ phải trả, nợ thu về: Không có.

4. Về án phí: Anh Vũ Văn N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số: 0001946 ngày 11/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuần Giáo, anh Vũ Văn N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Vũ Văn N và chị Lò Thị D có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

### **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**THÀNH VIÊN CỦA HĐXX**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lý A Thu    Trịnh Quyết Thắng**

**Lương Thị Nga**

***Nơi nhận***

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đương sự;
- UBND xã Mường Mùn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lương Thị Nga**